

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST  
Ngày: 19-6-2020  
“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lương Thị Hồng Hạnh

Ông Nguyễn Thành Thật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa:**  
Ông Danh Vũ Hải – Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS, ngày 06 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (Sacombank);

Trụ sở chính: lầu 8, 266-268, đường N, Phường 8, Quận 3, Thành Phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Nguyễn Khoa N, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm thẻ (theo Giấy ủy quyền số 3892/2018/GUQ-PL);

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Nguyễn Khoa Ng: Ông Lê Đình T, chức vụ: Nhân viên Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (theo Giấy ủy quyền số 2350/2019/UQ-TTT) (có mặt);

*Bị đơn:* Ông Danh H – sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S – Người đại diện theo ủy quyền ông Lê Đình T trình bày:*

Vào ngày 29/01/2013, ông Danh H có thỏa thuận ký kết với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S (TMCP S) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm:

Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông Danh H, Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp thẻ tín dụng cho ông Danh H với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhằm mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn 2,5%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại (Điều 22 và 23 Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau khi được cấp thẻ, ông Danh H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20/02/2013 đến ngày 22/12/2013 với tổng số tiền là 9.500.000đ (chín triệu, năm trăm nghìn đồng) và ông H cũng đã thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi, tiền phí được 2.700.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông H không đóng lãi cũng không thanh toán nợ gốc cho ngân hàng đúng hạn, ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông vẫn không có thiện chí thực hiện. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 2 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 23/12/2013, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 19/6/2020, ông Danh H còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền 41.460.916 đồng, lãi trong hạn là 20.667.217đ và lãi quá hạn là 10.333.608đ.

Do vậy, Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Danh H phải trả số nợ tính đến ngày 19/6/2020 là 41.460.916đ (bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: gốc là 10.460.091đ, lãi trong hạn là 20.667.217đ và lãi quá hạn là 10.333.608đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng. Ngân hàng chỉ yêu cầu một mình ông Danh H trả nợ, không có yêu cầu đối với vợ con ông Danh H.

Đối với bị đơn ông Danh H đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông H không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông.

#### ***Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” là đúng quy định và thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các bước tiến hành tố tụng đúng theo quy định, tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm nhưng về thời hạn chuẩn xét xử còn vi phạm, đề án quá hạn luật định việc này cần rút kinh nghiệm. Riêng đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 463, Điều 466, 468 và 470 Bộ luật dân sự 2015: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S buộc ông Danh H phải trả cho ngân hàng số tiền 41.460.916đ (bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: gốc là

10.460.091đ, lãi trong hạn là 20.667.217đ và lãi quá hạn là 10.333.608đ và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm hại nên Ngân hàng TMCP S khởi kiện ông Danh H về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt và thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng trong đó có 02 lần tổng đạt Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành mở phiên họp vào ngày 03/3/2020 và ngày 19/3/2020 để tạo điều kiện cho các bên đương sự hòa giải, thỏa thuận với nhau nhưng ông H đều không có mặt nên Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Hơn nữa, ông H cũng không gửi bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến và yêu cầu của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S cho Tòa án. Do vậy HĐXX căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung: Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Danh H phải trả cho ngân hàng số tiền 41.460.916 đồng, trong đó: gốc là 10.460.091 đồng, lãi trong hạn là 20.667.217 đồng và lãi quá hạn là 10.333.608 đồng và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng. Với lý do, ông Danh H có ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S vào ngày 29/01/2013, từ đó Ngân hàng cấp thẻ tín dụng cho ông Danh H với hạn mức sử dụng là 10.000.000đ, mục đích là tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ, ông Danh H đã thực hiện các giao dịch từ ngày 20/02/2013 đến ngày 22/12/2013 với tổng số tiền là 9.500.000 đồng và ông H cũng đã thanh toán cho ngân hàng số tiền lãi, tiền phí được 2.700.000đ. Sau đó, ông H không thanh toán dư nợ đã sử dụng cho ngân hàng đúng hạn, ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở cũng như tạo điều kiện cho ông H thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông vẫn không có thiện chí thực hiện và lánh mặt cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP S buộc ông Danh H phải trả số nợ tính đến ngày 19/6/2020 là 41.460.916 đồng, trong đó: gốc là 10.460.091 đồng, lãi trong hạn là 20.667.217 đồng, lãi quá hạn là 10.333.608 đồng và lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng kể từ ngày 20/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ là có căn cứ, vì ông H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 BLDS 2015 nên cần buộc ông H có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc cho Ngân hàng TMCP S là phù hợp.

Đối với yêu cầu trả số tiền nợ lãi tạm tính đến hết 19/6/2020 của Ngân hàng TMCP S là 31.000.825đ và lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng kể từ ngày 20/6/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Xét thấy,

cách tính tiền lãi của Ngân hàng TMCP S phù hợp với thỏa thuận của hai bên trong Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cho nên yêu cầu trả lãi này của Ngân hàng đối với ông Danh H là có cơ sở chấp nhận.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S, buộc ông Danh H phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 41.460.916đ (bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: gốc là 10.460.091đ, lãi trong hạn là 20.667.217đ, lãi quá hạn là 10.333.608đ và lãi phát sinh theo lãi suất quy định trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản vay.

[4] Về án phí: ông Danh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch trong tổng số tiền phải trả là 2.073.045đ (41.460.916đ x 5%) do ông có lỗi trong vụ kiện này.

Ngân hàng TMCP S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 227 BLTTDS năm 2015; Điều 463, 466, 470 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần S.

Buộc ông Danh H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 41.460.916đ (bốn mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi nghìn, chín trăm mười sáu đồng), trong đó: gốc là 10.460.091đ, lãi trong hạn là 20.667.217đ, lãi quá hạn là 10.333.608đ và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản vay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Danh H chưa thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu lãi quá hạn từ ngày 20/6/2020 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên số nợ gốc tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Danh H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 2.073.045đ (hai triệu, không trăm bảy mươi ba nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng).

Ngân hàng TMCP S không phải nộp án phí và được nhận lại số tiền 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004077, ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

**3.** Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Văn Tôn**